

PHỤ LỤC 1
CÁC TRƯỜNG HỢP NHẬN CHUYỂN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT (CHUYỂN NHƯỢNG, TẶNG CHO, THỪA KẾ...)

STT	Họ và tên người đang sử dụng đất (người nhận chuyển quyền)	Người được giao đất (người chuyển quyền)				Đã được cấp GCN QSDĐ (x)	Nơi cấp	Chuyển quyền sử dụng đất (tặng cho, thừa kế, chuyển nhượng...)	Địa chỉ thửa đất	
		Họ và tên	UBND tỉnh giao	Sự đoàn 10 giao	UBND thị xã giao				Thửa số	Tờ số
I. Phường Quang Trung										
1	Lâm Ngọc Vân	Nguyễn Văn Sơn			222, ngày 22/5/1989	x	UBND thị xã	Năm 1993 ông Sơn chuyển nhượng cho ông Bùi Đức Chí, đến năm 2007, ông Chí chuyển nhượng lại cho ông Lâm Ngọc Vân	13	53
II. Phường Trường Chinh										
2	Nguyễn Thị Hằng - Bùi Hồng Viễn (chồng)	Ngô Kim Sy		05, ngày 15/8/1992		x		Ông Ngô Kim Sy chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Hằng, ông Bùi Hồng Viễn	14	66
3	Đào Duy Từ	Nguyễn Thị Thơm	Số: 61, Ngày 7/5/1993			x	UBND thị xã	bà Nguyễn Thị Thơm chuyển nhượng cho ông Đào Duy Từ năm 2011	43	66
4	Nguyễn Thị Phụng - Nguyễn Thị Anh Đào	Ngô Văn Thanh + Võ Quang Phước			Số: 121, ngày 16/8/1988 + Số: 110, ngày 10/8/1988	x		Năm 2008 ông Đinh Văn Tiên bà Nguyễn Thị Thanh Thủy chuyển nhượng cho ông Trần Hùng Lâm, sau đó ông Lâm chuyển nhượng lại cho bà Nguyễn Thị Anh Đào và bà Đào được cấp đổi lại Giấy CN năm 2010	32	66

5	Nguyễn Hữu Trường - Bùi Thị Huê (vợ)	Nguyễn Xuân Ân		Năm 1992		x		Năm 2003 ông Ân chuyển nhượng toàn bộ diện tích cho bà Trương Thị Máy, đến năm 2004 bà Máy chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Khánh Vân, đến năm 2021 bà Vân chuyển nhượng cho ông Nguyễn Hữu Trường	24	32
6	Nguyễn Thị Thu Giang	Đào Trọng Thủy		Năm 1992		x		Năm 2013 chuyển nhượng toàn phần đất cho bà Nguyễn Thị Thu Hường, đến năm 2016 bà Hường CN cho bà Nguyễn Thị Thu Giang	14	67
7	Nguyễn Văn Phụ - Hoàng Thị Hồng (vợ)	Nguyễn Chính Phẩm		Năm 1992		x	UBND thị xã	ông Nguyễn Chính Phẩm chuyển nhượng cho Nguyễn Văn Phụ năm 2020	53	26
8	Trần Đình Khoa - Nguyễn kim Phụng	Phạm Văn Đại		Năm 1992		x		ông Phạm Văn Đại chuyển nhượng cho Trần Đình Khoa năm 2018	18	66
9	Bùi Thị Huyền	Trần Đăng Bình		Số: 07, ngày 29/8/1990		x	UBND thị xã	Nhận chuyển nhượng năm 2012	10	66
10	Vũ Hồng Lộc - Nguyễn Thị Vân Anh (vợ)	Nguyễn Thái Tương		năm 1992		x	UBND thị xã	ông Nguyễn Thái Tương chuyển nhượng một phần diện tích cho bà Nguyễn Thị Vân Anh năm 2012	119	66
11	Lê Văn Anh	Nguyễn Thái Tương		năm 1992		x	UBND thị xã	ông Nguyễn Thái Tương chuyển nhượng một phần diện tích cho ông Lê Văn Anh năm 2012	200	66
12	Nguyễn Thanh Nhân - Nguyễn Thị Mai	Ngô Văn Hà	Số: 202, Ngày 23/9/1992			x	UBND thị xã	ông Ngô Văn Hà chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thanh Nhân năm 2018	48	66

13	Phạm Ngọc Thái	Ngô Văn Thanh + Võ Quang Phước			Số: 121, ngày 16/8/1988 + Số: 110, ngày 10/8/1988	x		Đến năm 2004 ông Phước và Thanh chuyển nhượng cho ông Xanh, đến năm 2020 ông Xanh chuyển nhượng đất cho ông Phạm Ngọc Thái	37	66
14	Bùi Thị Tuệ - Ngô Thành Đô	Ngô Văn Thanh + Võ Quang Phước			Số: 121, ngày 16/8/1988 + Số: 110, ngày 10/8/1988	x		Năm 2001, ông Phước chuyển nhượng một phần diện tích cho ông Vinh, ông Thanh chuyển nhượng một phần diện tích đất cho ông Vinh, đến năm 2019 ông Vinh chuyển nhượng toàn bộ diện tích thửa đất và nhà cho ông Ngô Thành Đô - bà Bùi Thị Tuệ	36	66
15	Lưu Thị Tâm, Lương Ngọc Khang	Ngô Văn Thanh + Võ Quang Phước			Số: 121, ngày 16/8/1988 + Số: 110, ngày 10/8/1988	x	UBND thị xã	Đến năm 2000 ông Phước và ông Thanh chuyển nhượng đất (ông Thanh đã có GCN) cho bà Lưu Thị Tâm đến năm 2004 bà Tâm được cấp GCN	20-3	32
16	Tổng Đình Tuấn - Nguyễn Thị Thu Mai	Vũ Thị Ngọc Mai	Số: 05, Ngày 15/8/1992			x	Sở TN và MT tỉnh		18	67
17	Nguyễn Thị Hoài Thi - Lê Văn Vương	Ngô Văn Hương- Ngô Thị Mùi	Trước năm 1993			x	UBND TP	Chuyển nhượng qua 3 chủ sử dụng đất, đến năm 2018 bà Ngô Thị Lan CN cho bà Nguyễn Thị Hoài Thi	41	66
18	Nguyễn Thị Lạc	Nguyễn Văn Đình				x	UBND TP	Năm 2012, bà Nguyễn Thị Lạc nhận thừa kế từ chồng là ông Nguyễn Văn Đình	39	66
19	Nguyễn Văn Đình	Ngô Văn Hương- Ngô Thị Mùi				x	UBND thành phố	Năm 2016, Ngô Văn Hương- Ngô Thị Mùi chuyển nhượng cho bà Ngô Thị Lan	40	66

20	Bùi Thị Lân - Mạc Đức Thọ	Vũ Đình Trường	1994			x	UBND thị xã	Đến năm 2006 ông Trường chuyển nhượng toàn phần diện tích đất cho bà Bùi Thị Lân	17	33
21	Bùi Thị Lân - MẠc Đức Thọ	Phùng Ngọc Phương - Cao Thảo Trình	1994			x	UBND TP	Năm 2016, Phùng Ngọc Phương - Cao Thảo Trình chuyển nhượng cho bà Bùi Thị Lân	21	67
22	Trần Thị Hồng Vân	Nguyễn Văn Thanh			x	x	UBND TP	Nhận thừa kế từ chồng là ông Nguyễn Văn Thanh năm 2016	35	66
23	Ngô Văn Chính - Phạm Thị Hạnh (vợ)	Nguyễn Văn Chuyện - Hà Thị Thanh Bình	Số 05, Ngày 15/6/1992			x	UBND thị xã	Nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn Chuyện	3-1	33
24	Phạm Tuấn Đang	Tạ Ngọc Quang-Phạm Thị Nước	Số: 05, ngày 15/8/1992			x	UBND thị xã	Năm 2006, ông Tạ Ngọc Quang chuyển nhượng cho ông Phạm Tuấn Đang	208	32
25	Nguyễn Hữu Thoại (Nguyễn Yên) - Lê Thị Thiên	Đặng Ngọc Thắng	Số: 182, Ngày 23/9/1992			x	UBND TP	ông Đặng Ngọc Thắng CN cho ông Nguyễn Hữu Thoại năm 2013	210	66
26	Cao Văn Sáng - Nguyễn Thị Thanh Hoa	Đặng Ngọc Thắng	Số: 182, Ngày 23/9/1992			x	UBND thành phố	ông Đặng Ngọc Thắng CN cho bà Nguyễn Thị Kim Soa năm 2013, năm 2015 bà Soa chuyển nhượng lại cho ông Sáng	211	66
27	Nguyễn Đức Chanh - Đào Thị Mên (vợ)	Đỗ Văn Chiến	Số: 201, Ngày 23/9/1992					ông Đỗ Văn Chiến chuyển nhượng một phần diện tích đất cho ông Nguyễn Đức Chanh năm 2001	46	66
28	Nguyễn Công Huân - Vũ Thị Đồng (vợ)	Tạ Ngọc Quang		Số: 05, ngày 15/6/1991				Đến năm 2006 ông Tạ Ngọc Quang chuyển nhượng một phần diện tích cho ông Nguyễn Công Huân	22	32
29	Nguyễn Thị Kim Quang	Lê Văn Thuận		Số: 05, ngày 15/8/1992				Đến năm 2013 ông Thuận chuyển nhượng toàn phần diện tích đất cho bà Nguyễn Thị Kim Quang	9	67

30	Lê Thị Hồng Hạnh	Đỗ Văn Phúc		Số 05, Ngày 15/8/1992		x	UBND thành phố	Bà Lê Thị Hồng Hạnh được cấp GCN năm 2016 (nhận phân chia tài sản)	16	66
31	Nguyễn Huy Bằng - Mai Thị Ánh Minh	Lê Văn Diễm		Năm 1990		x	UBND thị xã	ông Lê Văn Diễm chuyển nhượng cho bà Bùi Thị Hồng Hải sau đó bà Hải CN cho bà Phạm Thị Nên cùng năm 1999, đến 2011 bà Nên chuyển nhượng cho ông Nguyễn Huy Bằng	23	66

PHỤ LỤC 2
TỔNG HỢP DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG HỢP ĐƯỢC UBND TỈNH, SỰ ĐOÀN 10 GIAO ĐẤT, CHƯA ĐƯỢC CẤP GCN HOẶC ĐƯỢC UBND TỈNH, SỞ TNMT TỈNH CẤP GCN

STT	Người được giao đất				Đã được cấp GCN QSDĐ (x)	Nơi cấp	Quá trình biến động				Địa chỉ thửa đất	
	Họ và tên	UBND tỉnh giao (Số QĐ, ngày tháng năm)	Sự đoàn 10 giao (Số QĐ, ngày tháng năm)	UBND thị xã giao (Số QĐ, ngày tháng năm)			Đã thu hồi đất cho công trình khác (Quyết định, diện tích)	Chuyển quyền sử dụng đất (tặng cho, thừa kế, chuyển nhượng...)	Họ và tên người đang sử dụng đất	Nơi cấp GCN	Thửa số	Tờ số
1	Đinh Xuân Sơn		Số: 05, ngày 15/8/1992				Không	Ông Đinh Xuân Sơn Chuyển nhượng cho ông Bùi Khánh Vân qua giấy tờ viết tay ngày 16/12/2006	Bùi Khánh Vân	chưa được cấp GCN		
2	Hoàng Thị Hồng	Số: 68, Ngày 07/5/1993					Không	Năm 1993 bà Hoàng Thị Hồng Chuyển nhượng cho ông Khiếu Đình cấp	Khiếu Đình Cấp	chưa được cấp GCN		
3	Nguyễn Văn Tình	Năm 1993					Không	ông Nguyễn Văn Tình CN một phần diện tích đất cho ông Nguyễn Đôn Hào năm 1994	Nguyễn Đôn Hào - Trịnh Thị Thu Đào	UBND tỉnh	10	32
4	Đỗ Thanh Cư		Năm 1992		x	UBND tỉnh	Không	Không có	Đỗ Thanh Cư - Đỗ Thị Hòa	UBND tỉnh	29	45

Phụ lục 3. DANH SÁCH 29 TRƯỜNG HỢP ĐƯỢC THANH TRA

ST T	Tên hộ	Quyết định giao đất (không thể hiện tim đường)			Bản đồ địa chính do đặc năm 1998 (tim đường 7m)			Giấy CNQSD đất đã được cấp (tim đường 12m)					Ghi chú
		Số QĐ, ngày tháng	Diện tích	Kích thước	Diện tích	Kích thước	Chênh lệch so với QĐ giao	Năm cấp	Diện tích	Kích thước	Chênh lệch so với QĐ giao	Chênh lệch so với BĐ ĐC	
I	Các hộ được cấp GCN trước Luật Đất đai năm 2003												
1	Các hộ được UBND tỉnh giao đất												
1	Hoàng Ngọc Châu	QĐ số 207/QĐ-UB ngày 23/9/1992 của UBND tỉnh	169,5	6*(28;28.5)	137,7	(5.97;5.8)*(24.71;23.88)	-31,8	21/05/2004	117,6	6*19.6	-51,9	-20,1	Lý do giảm: mở rộng đường
2	Đặng Hiếu Trung	QĐ số 60/QĐ-UB ngày 07/5/1993 của UBND tỉnh	150	25*6	159,4	(5;5.5)*(30.3;30.4)	9,4	02/06/2003	125,7	5*(25;25.3)	-24,3	-33,7	
2	Các hộ được Sư đoàn 10, Quân đoàn 3 giao đất												
1	Nguyễn Thế Trữ	QĐ số 05/QĐ ngày 15/8 /1992 của Tư lệnh QĐ3	180	30*6	251,4	5,6*(44,7;45)	71,4	06/02/2004	180	30*6	0	-71,4	
2	Vũ Văn Thuật	QĐ số 05/QĐ ngày 15/8 /1992 của Tư lệnh QĐ3	240	30*8	432,7	(9.8;9.6)*(44.5;44.7)	192,7	01/03/2004	283,5	(9.3;9.6)*30	43,5	-149	Lý do tăng: do giao đất ngoài thực tế và quyết định phân đất dư bố trí cho hộ sử dụng

3	Đỗ Quang Trường	QĐ số 05/QĐ ngày 15/8/1992 của Tư lệnh QĐ3			273,4	(6.3;6.2)*(44.7;44.5)	273,4	15/10/2003	241	6.3*39.8		-32,4	Quyết định không thể hiện diện tích, kích thước
4	Đào Sơn Tùng	QĐ số 01/QĐ ngày 29/8/1990 của Sư đoàn 10	230		363,4	(34.7;37.1)*(9.3;11)	133,4	04/12/2003	181	(10;7)*(17;13.2)	-49	-182	Hình thể thửa đất theo BĐ địa chính không đúng với Giấy chứng nhận
5	Đào Mạnh Chính	QĐ số 02/QĐ ngày 29/8/1990 của Sư đoàn 10	300		387,2	(37.1;37.7)*(9.4;8.8+2.7)	87,2	04/12/2003	255	(16.2;16.4)*(14.4;17)	-45	-132	Hình thể thửa đất theo BĐ địa chính không đúng với Giấy chứng nhận
6	An Thị Yên	QĐ số 03/QĐ ngày 29/8/1990 của Sư đoàn 10	210	n	178,4	10*(17.1;18.8)	-31,6	04/12/2003	198	15*(12;14.4)	-12	19,6	
7	Lê Bá Ngọc	QĐ số 05/QĐ ngày 15/6/1991 của Tư lệnh QĐ 3	240	30*8	216,2	10*(25.6;26)	-23,8	11/09/2003	218,9	(9.9;10)*(22;19.6)	-21,1	2,7	
8	Đoàn Long An	QĐ số 05/QĐ ngày 15/6/1991 của Tư lệnh QĐ 3	156	24*6.5	159,6	6.5*(24.6;24.4)	3,6	11/09/2003	135,2	6.6*20.5	-20,8	-24,4	
9	Hoàng Thanh Thế	QĐ số 05/QĐ ngày 15/6/1991 của Tư lệnh QĐ 3	160	20*8	166	(6.8;6.7)*(24.6;24.5)	6	14/12/2003	136	(7;6.6)*20	-24	-30	Cấp GCN không đúng vị trí
10	Phạm Đình Thanh	QĐ số 05/QĐ ngày 15/6/1991 của Tư lệnh QĐ 3	120	24*5	95,2	5*19.1	-24,8	11/09/2003	103	5.2*19.8	-17	7,8	
11	Trương Đức Vui	QĐ số 16/QĐ ngày 15/8/1992 của Tư lệnh QĐ 3	120	24*5	160,5	(6;6.4)*(25;24.9)	40,5	01/03/2004	112	(6;5.7)*(18.7;19.2)	-8	-48,5	Lý do giảm: do thay đổi lộ giới

12	Ngô Tất Minh	QĐ ngày 15/8/1992 (không rõ số) của Sư đoàn 10 QĐ 3	180		185,9	(7.9;7)*(24.9;25.4)	5,9	21/05/2004	99,8	(0.8+6;5)*(15.8;20.8)	-80,2	-86,1	Lý do giảm: do quy hoạch giao thông
13	Nguyễn Văn Chuyện	QĐ số 05/QĐ ngày 15/8/1992 của Tư lệnh QĐ 3	300		340,7	13.8*(24.9;26.4)	40,7	11/03/2004	271,7	(13.9;14.7)*(19.2;20.8)	-28,3	-69	Lý do giảm: do thay đổi mức lộ giới
14	Nguyễn Hồng Kiềm	QĐ số 05/QĐ ngày 15/8/1992 của Tư lệnh QĐ 3	144	24*6	173,1	(6.5;6.72)*(26.3;26)	29,1	12/10/2006	134,5	6.5*(15.8;20.8)	-9,5	-38,6	
II Đối với 12 trường hợp cấp sau khi Luật Đất đai năm 2003 có hiệu lực (ngày 01/7/2004)													
1 09 trường hợp được cấp trước ngày Nghị định 84/2007/NĐ-CP có hiệu lực (ngày 09/6/2007)													
1	Nguyễn Nam Ngạn	QĐ số 05/QĐ ngày 15/8 /1992 của Tư lệnh QĐ4	180	30*6	281,9	(6,4;6,1)*(45,2;44,6)	101,9	16/09/2005	179,1	30*6	-0,9	-103	
2	Lê Ngọc Thường	QĐ số 29/QĐ ngày 29/09/1990 của Sư đoàn 10	216	28*7.7	339,3	(7.5;7.8)*(44;44.5)	123,3	16/09/2005	212	(7.7;7.5)*28	-4	-127	Lý do giảm:do phân chia quy hoạch không chính xác
3	Nguyễn Xuân Ninh	QĐ số 05/QĐ ngày 15/8 /1992 của Tư lệnh QĐ3	180	30*6	269,4	(6.1;7.1)*(44.2;44)	89,4	22/02/2006	179,4	6*30	-0,6	-90	
4	Đào An Thu Trang	QĐ số 04/QĐ ngày 29/8/1990 của Sư đoàn 10	210		168,9	10.1*(15.1;17.1)	-41,1	15/11/2006	162	(14.5;15)*(10;12)	-48	-6,9	Lý do giảm: do quy hoạch giao thông
5	Đào Thanh Chuyên	QĐ số 05/QĐ ngày 15/8/1992 của Tư lệnh QĐ 3	120	24*5	145	(6;5.8)*(24.5;25)	25	23/01/2006	116,8	5.7*20.5	-3,2	-28,2	Lý do giảm: đo đạc thực tế
6	Lê Đăng Lâm	QĐ số 05/QĐ ngày 15/6/1991 của Tư lệnh QĐ 3	200		218,3	(8.2;8.8)*(25.5;25.8)	18,3	26/12/2005	168,8	(8.1;8.7)*20.1	-31,2	-49,5	Lý do giảm: do quy hoạch giao thông

7	Trần Đình Thu	QĐ số 05/QĐ ngày 15/8/1992 của Tư lệnh QĐ 3	156		149,5	(6.7;5.5)*(24.6;24.2)	-6,5	23/05/2005	132,3	(6.7;6.2)*20.2	-23,7	-17,2	Lý do giảm so với QĐ giao là do mở đường, trừ lộ giới theo quy hoạch
8	Nguyễn Quang Nhật	QĐ số 05/QĐ ngày 15/8/1992 của Tư lệnh QĐ 3	120	5*24				26/12/2005	124,8	(6,3;6,5)*19,5	4,8		Không có hồ sơ cấp GCN
9	Nguyễn Tiến Long	QĐ số 222/QĐUB ngày 22/5/1989 của UBND thị xã	112	4*28			-112	05/01/2005	94	3.8*(25.5;25)	-18	94	Nhận chuyển nhượng một phần từ ông Nguyễn Văn Sơn (theo QĐ giao)
2	Các trường hợp được cấp Giấy CNQSD đất sau ngày Nghị định 84/2007/NĐ-CP có hiệu lực (ngày 09/6/2007)												
1	Nguyễn Văn Túc	QĐ số 05/QĐ-UB ngày 15/8 /1992 của Tư lệnh QĐ3	180	30*6	288,3	(6,8;6,28)*(44,2;44)	108,3	18/06/2013	179,1	30*6	-0,9	-109	
2	Hoàng Văn Huynh	QĐ không số, ngày 15/5/1991 của Sư đoàn 10	150		159,4	(3.7;6.2)*(24.3;23.9)	9,4	26/06/2012	80	3.9*(20.5;25.3)	-70	-79,4	lý do giảm: Do sự đoàn 10 cắt phần sau đất làm đường quy hoạch
3	Hoàng Minh Khánh	QĐ số 292/QĐUB ngày 31/5/1989 của UBND thị xã	225	(9.8;9)*(24;28)			-225	2010	136,5	(1.6+7.78;17.4)*(7.25;8.6)	-88,5	136,5	
II	Cấp sau khi Luật Đất đai năm 2013 có hiệu lực (ngày 01/7/2014)												
1	Kiều Duy Hưng	QĐ số 05/QĐ-UB ngày 15/8 /1992 của Tư lệnh QĐ3	220	40*5.5				2020	220	5.5*40	0	220	BD ĐC không thể hiện vị trí, vị trí này thể hiện là khu vực quân sự, tìm thời điểm này là khoảng 5m

